

Tên:

Lớp: S4...

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



Week: 4

Ngữ pháp HW:

Đọc HW:

GRAMMAR REVISION

A. THEORY

I. GRAMMAR REVISION A: COMPARATIVE & SUPERLATIVE ADJECTIVE

1. So sánh hơn

- Dùng để so sánh 2 người / vật
- Tính từ ngắn: S1 + be + adj-er + than + S2
- Tính từ dài: S1 + be + more + adj + than + S2

2. So sánh nhất

- Dùng để so sánh 1 người / vật với cả nhóm
- Tính từ ngắn: S + be + the + adj-est
- Tính từ dài: S + be + the most + adj

3. Quy tắc

thêm -er / -est:	tall → taller → the tallest
tận cùng -e:	large → larger → the largest
đổi y → i:	happy → happier → the happiest
nhân đôi phụ âm cuối:	big → bigger → the biggest

4. Tính từ đặc biệt

Adj	Comparative	Superlative	Meaning
good	better	the best	tốt
bad	worse	the worst	tệ
many / much	more	the most	nhiều
little	less	the least	ít
far	farther / further	the farthest / the furthest	xa

II. GRAMMAR REVISION B: PAST SIMPLE

1. Cách dùng

- Dùng để diễn tả hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.
- Dùng để nói về một thời điểm / khoảng thời gian trong quá khứ.
- Dùng để kể lại chuỗi hành động trong quá khứ.

2. Công thức với V

- (+) S + V2 / ed + O She watched TV.
- (-) S + did not (didn't) + V0 + O She didn't watch TV.
- (?) Did + S + V0 + O? Did she watch TV?

3. Công thức với be

- (+) S + was / were + O He was at home.
- (-) S + was not (wasn't) / were not (weren't) + O He wasn't at home.
- (?) Was / Were + S + O? Was he at home?

4. Dấu hiệu nhận biết

- yesterday
- last + time
- ago
- in the past
- in + năm quá khứ
- when + mệnh đề quá khứ

Note: V0: động từ nguyên thể; V2: động từ quá khứ đơn

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link/code này để nghe và đọc lại từ:
<https://on.soundcloud.com/OIkUrkgZ1ufXFTOHKM>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1.	stop to V (phr.)	dừng lại để làm gì		4.	have a shower (phr.)	tắm vòi sen	
2.	quietly (adv)	một cách yên lặng		5.	pick up (phr.)	nhặt lên	
3.	awake (adj)	thức giấc		6.	downstairs (adv)	tầng dưới	

Note: adj = adjective: tính từ; adv = adverb: trạng từ; phr. = phrase: cụm từ.

B. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) một dòng vào vở.

II. Odd one out.

- | | | |
|--------------------|---------------|----------------|
| 0. A. listened | B. ordered | C. did |
| 1. A. waited | B. understood | C. helped |
| 2. A. call | B. opened | C. closed |
| 3. A. is | B. was | C. were |
| 4. A. further | B. worse | C. taller |
| 5. A. the smallest | B. thinner | C. the longest |

III. Read the sentences and circle the correct answers.

0. The Allosaurus didn't _____ on four legs.

- A. walked B. walking **C. walk**

1. The first dinosaurs _____ 220,000,000 years ago.

- A. appeared B. appear C. appearing

FLYERS READING PART 3 (6 questions)

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-6.

Jim makes a mistake

One day last week, Jim got up and went to work. He put on his (0) trousers, shirt and jacket very quietly because his family weren't awake. Then he went to the bathroom and cleaned his (1) _____. He went downstairs to the kitchen and made a cup of (2) _____ and ate some bread and cheese. Then he picked up his bag and (3) _____ to work on his bike. He was surprised because the (4) _____ was very quiet. There were no cars or people there. Jim worked at the library but when he tried to open the (5) _____ of the library, he couldn't. A man with a dog stopped to talk to him. 'It's Sunday, you know!' he said. 'The library isn't open today!' Jim (6) _____. 'Oh great!' he said, 'I can go back to bed!'

Example



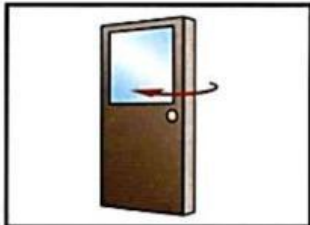
trousers



coffee



party



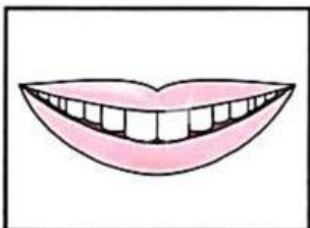
door



laughed



street



teeth



cooked



rode